

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS-PT
Ngày 17 - 4 - 2018
V/v tranh chấp đặt cọc về hợp
đồng mua bán tài sản và bồi
thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Bùi Hữu Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp đặt cọc về hợp đồng mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1976

Trú tại: 155 DBP, Phường A, Quận B, Thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Lương T1, sinh năm 1955

Trú tại: 155 DBP, Phường A, Quận B, Thành phố C.

Theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2017.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1969

Trú tại: 19/19 TP, Phường D, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1995

Trú tại: 21/5 LHP, Phường D, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trát Thái Hoàng V, sinh năm 1971

Trú tại: 13F HP, Phường 9, Quận E, Thành phố C.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Quỳnh D1, sinh năm 1990

Trú tại: Số 300 TP, Phường 11, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Trần H, sinh năm 1975

Trú tại: Tổ 71 VT, Phường 5, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973

Trú tại: Số 90 VT, Phường 5, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông Hoàng Minh T2, sinh năm 1972

Trú tại: Tổ 22 VT, Phường 5, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

5. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1973

Trú tại: Tổ 22 VT, Phường 5, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969

Trú tại: Số 15 LHP, Phường 4, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

7. Bà Nguyễn Quỳnh T3, sinh năm 1976

Trú tại: Số 470 NDC, Phường 4, Quận E, Thành phố C.

8. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1981

Trú tại: 19B LHP, Phường 4, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

9. Chị Hà Thị T4

Trú tại: Số 402/57 NTL, Phường 8, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

10. Ông Hà Công T5

Trú tại: Số 402/20 Võ Trường Toản, Phường 8, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

11. Ông Hà Công V2

Trú tại: Số 402 NTL, Phường 8, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

12. Bà Nguyễn Thị Thu L

Trú tại: Số 403 VTT, Phường 8, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà T, Bị đơn ông D.

(Bà T, ông T1, bà H có mặt; ông D vắng mặt, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt;
những người làm chứng Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Lương T1 trình bày:

Vào tháng 5/2015, Bà T đến Đà Lạt và gặp ông Nguyễn Tiến D để mua hoa tươi xuất khẩu sang Hàn Quốc. Sau khi trao đổi về nhu cầu, các bên đã thỏa thuận việc mua bán như sau:

- Loại hoa: hoa cúc màu nhụy xanh (có 05 loại): 840.000 cành và hoa kim cương trắng là 1.620.000 cành.
- Chất lượng: theo tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Thời gian: hoa cúc màu từ ngày 15/11/2015 đến ngày 30/4/2016 và hoa cúc trắng từ ngày 01/02/2016 đến ngày 30/4/2016.
- Giá cả: hoa cúc màu là 1.500đ/cành và hoa cúc trắng là 1.800đ/cành.

Việc mua bán thỏa thuận bằng miệng và không lập hợp đồng vì lý do ông D hẹn sẽ chuyển hợp đồng cho bà nhưng đến thời gian thực hiện thì hai bên vẫn chưa làm hợp đồng.

Quá trình thực hiện việc mua bán Bà T đã đặt cọc 540.000.000đ và trả tiền mua hoa 44.750.000đ, tổng cộng 584.750.000đ cho ông D cụ thể như sau:

- Ngày 04/8/2015 chuyển 100.000.000đ vào tài khoản của ông D qua Ngân hàng Vietcombank Thành phố C.
- Ngày 15/8/2015 Bà T gặp trực tiếp ông D và giao tiền mặt cho ông D 100.000.000đ.
- Ngày 15/9/2015 tiếp tục chuyển 50.000.000đ vào tài khoản của ông D qua Ngân hàng Vietcombank Thành phố C.
- Ngày 15/11/2015 giao tiền mặt cho ông D là 100.000.000đ và 4.000 USD (đối với số tiền 4000USD thì hai bên thống nhất qui ra tiền việt là 90.000.000đ), tổng cộng 190.000.000đ.

Như vậy, số tiền Bà T đã chuyển cho ông D là 440.000.000đ theo như trong mail ông D gửi cho Bà T đã thể hiện và ngoài ra: Ngày 27/10/2015 Bà T nhờ ông Trát Thái Hoàng Vũ chuyển khoản 100.000.000đ vào tài khoản của ông D cũng qua Ngân hàng Vietcombank Thành phố C để đặt cọc tiền mua bán hoa; ngày 8/12/2015 Bà T chuyển cho ông D 20.000.000đ và ngày 15/12/2015 chuyển cho ông D 24.750.000đ.

Kể từ ngày 15/11/2015 ông D giao hoa cho Bà T 3 đợt với tổng giá trị là 106.260.000đ và cũng không lập giấy tờ giao nhận. Đối với mỗi lần giao nhận hoa thành phẩm đều giao nhận tại 02 kho lạnh tại góc Thánh Mẫu đường MAD gần Trung tâm tình yêu và kho lạnh ở KS. Sau 01 tuần nhận hoa thì sẽ thanh toán tiền qua Ngân hàng. Mỗi lần giao nhận hoa thì 02 bên đều cử người giao nhận, số

lượng là do ông D giao còn chất lượng là do 02 bên cùng thống nhất theo tiêu chuẩn hoa xuất khẩu qua Hàn Quốc đã được thống nhất từ ban đầu. Do ông D chỉ giao hoa được 3 đợt sau đó không giao nữa nên hai bên đã chấm dứt việc mua bán từ đầu năm 2016.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền là 478.490.000đ và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng kể từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 1/10/2017 là 10 tháng x 9%/năm = 35.886.750đ. Tổng số tiền bà T yêu cầu ông D phải thanh toán là 514.376.750đ.

Đối với 40.000 cành giống cúc kim cương trắng là do ông D báo không có giống hoa nên bà T có nhờ đối tác đem 40.000 cành về cho ông D trồng hoa để bán cho bà T nhưng bà T được ông D báo lại là hoa đã chết.

Sau đó ông D có báo với bà T là có 01 loại kim cương trắng Đà Lạt và có đưa mẫu bà T đồng ý việc ông D cứ trồng hoa còn việc mua giống như thế nào và trồng như thế nào thì bà không biết, bà chỉ mua hoa chứ không mua giống.

Theo bà T cho rằng do nhân công của bà báo lại là ông D không đặt cọc tiền cho nông dân đúng như thỏa thuận nên nông dân không trồng hoa để giao cho ông D, bà không trực tiếp đến vườn.

Riêng file ghi âm gửi cho Tòa án thì bà T xác nhận không có khả năng về tài chính nên bà sẽ trích lục từng đoạn để chứng minh và không yêu cầu thẩm định file ghi âm để xác định giọng nói của ông D.

Đối với số tiền mua hộ giống cây cúc màu cho ông D là: 12.700.000đ thì bà T không yêu cầu ông D thanh toán để trừ vào tiền đã mua hoa của ông D. Đối với khoản tiền thiệt hại do ông D cho mượn đất ở KS làm kho lạnh bà T đã sửa chữa hết 36.700.000đ nhưng chủ đất là ông Tổng yêu cầu dời đi thì bà T rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với số tiền 36.700.000đ nói trên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Vào năm 2015 do nhân công của ông D báo lại, bà T có đến vườn và đặt vấn đề trồng giống hoa theo đặc chủng là hoa cúc trắng của Hàn Quốc và đề nghị ông trồng giúp bà T.

Tháng 8/2015 bà T đem về 40.000 cây con giống Hàn Quốc và nhờ bên ông ươm và nhân giống ra (khi nhận cây con thì không làm biên bản giao nhận), bà T và người Hàn Quốc trực tiếp trồng và chăm sóc theo phương thức của người Hàn Quốc tại vườn của ông D, 1 số cây do bà T trực tiếp trồng thì chết, số còn lại thì ông D trực tiếp trồng theo phương thức chăm sóc của ông thì sống. Sau khi trồng thực nghiệm thì bà T giao 50.000.000đ tiền công để ươm giống và chăm sóc cây trồng được ươm đến tháng 2/2016 tại vườn ông D ở CL, VT, thành phố X nhưng sau khi có cây giống thì bà T không đến nhận.

Đến tháng 9/2015 bà T đã chuyển 100.000.000đ để nhờ ông D mua cây hoa cúc kim cương trắng gồm có cây mô, cây F1 để thay thế giống cây hoa cúc trắng Hàn Quốc. Ông đã mua cây giống từ ông Dương, 01 phần nhờ ông Dương mua

bên ngoài hết hơn 100.000.000đ và trồng trực tiếp tại vườn; khoản này ông đã quyết toán với bà T vào tháng 10/2015. Ông D là người trực tiếp giao giống cho bà con trồng, là người thu hoạch hoa để bà T mua lại và ông D sẽ hưởng phần trăm chênh lệch trong việc chăm sóc cây giống. Bà T đã đến xem ủy quyền cho ông giao trực tiếp cây giống cho bà con. Thời gian sau bà T không lấy hoa nên ông không thu được tiền từ bà con.

Việc bà T yêu cầu thanh toán lại 150.000.000đ trên thì ông không đồng ý vì hai bên đã quyết toán xong hết số tiền 150.000.000đ về cây giống.

+ Ông D có nhận 100.000.000đ bà T chuyển để đảm bảo tiền mua hoa nhưng vì bà T không nhận hoa nên ông không thể chuyển trả lại số tiền 100.000.000đ.

+ Về tiền mua hoa bà T có chuyển trả cho ông D 44.750.000đ.

Tổng số tiền ông D đã nhận là 294.750.000đ.

+ Đối với số tiền ông Trát Thái Hoàng V chuyển cho ông là do ông V có làm việc trước đó với ông và ông V muốn kiện ông bằng 01 vụ án khác thì ông đồng ý vì ông và ông V có làm ăn với nhau, ông V có đặt cọc tiền mua hoa cúc kim cương trắng, thỏa thuận từ ngày 3 đến ngày 7/2/2016 sẽ nhận hàng nhưng sau khi có hoa qua liên lạc thì được biết là ông V đi Mỹ nên không giao hoa được cho ông V (thỏa thuận bằng miệng, không làm hợp đồng)

+ Trong tháng 12/2015 ông D đã giao hoa cho bà T 4 đợt vì trước đây các bên thỏa thuận sẽ giao hoa tại vườn của người sản xuất nhưng sau đó bà T không đến nhận nên ông đã phải tìm kho của bà T để giao hoa, thời gian do bà T chuyển vị trí giao hoa nhiều nơi nên đợt cuối không thể giao hoa cho bà T vì không tìm được nơi bà T qui định và nhà vườn đã chuyển toàn bộ số hoa đó về cho ông nên ông xác nhận đã giao hoa cho bà T 03 đợt với số tiền khoản 160.000.000đ và đợt cuối không giao được với số tiền 40.000.000đ. Các đợt giao hoa thì không có biên nhận, không có giấy tờ gì.

+ Bà T có xuất trình thư điện tử ngày 18/8/2016 và file ghi âm ngày 18/3/2016 thì ông D không thừa nhận.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán lại số tiền là 514.376.750đ và lãi suất chậm trả thì ông không đồng ý. Đối với số tiền mà Bà T chưa thanh toán lại cho ông thì ông không có yêu cầu.

Quá trình tham gia tố tụng ông Trát Thái Hoàng V trình bày:

Do quen biết với bà Phạm Thị Thanh T nên ngày 27/10/2015 bà T có nhờ ông chuyển 100.000.000đ vào số tài khoản của ông Nguyễn Tiến D, số tài khoản là 0071001563728 tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam. Nay ông V xác nhận số tiền trên là của bà T do bận công việc đột xuất nên ông là người đi nộp tiền thay bà T vào tài khoản của ông D.

Trong việc bà T khởi kiện ông D thì ông V không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì vì bản thân ông không liên quan đến việc làm ăn giữa 2 bên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố X đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T về việc “*Tranh chấp về đặt cọc hợp đồng mua bán tài sản*” đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến D.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T số tiền 310.126.750đ (*ba trăm mười triệu một trăm hai sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) Trong đó: 288.490.000đ tiền đặt cọc chưa thanh toán và 21.636.750đ tiền lãi chậm trả.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Phạm Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến D.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/12/2017, bà T kháng cáo yêu cầu ông D phải trả số tiền gốc 190.000.000đ và lãi chậm trả theo lãi suất 9%/năm tính từ thời điểm 01/01/2010 đến ngày Tòa án xét xử phúc thẩm.

Ngày 20/12/2017, ông D kháng cáo không đồng ý thanh toán cho bà T số tiền 310.126.750đ.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T, không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền đặt cọc mua bán hoa là 478.490.000đ và 10 tháng tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm, thành tiền 35.886.750đ, tổng 514.376.750đ. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về đặt cọc hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] *Xét kháng cáo của bà T thì thấy rằng:* Việc bà T cho rằng vào ngày 15/11/2015 đã giao cho ông D số tiền 100.000.000đ và 4.000USD (qui đổi ra tiền Việt là 90.000.000đ), tổng cộng là 190.000.000đ. Tuy nhiên, ông D không thừa nhận và bà T cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc giao nhận số tiền này. Theo bà T việc ông D nhận tiền có sự chứng kiến của người làm chứng là bà H1, bà V1. Đồng thời, ngày 8/3/2016 ông D có gửi thư điện tử cho bà T và bà T đã cung cấp file ghi âm ngày 18/3/2016. Tuy nhiên, lời khai của người làm chứng không thống nhất, thư điện tử có nội dung ông D nhận của bà T số tiền 440.000.00 đồng không phù hợp với thời gian và số tiền bà T giao cho ông D, nội dung file ghi âm không thể hiện cụ thể số tiền giao nhận và bà T cũng không yêu cầu giám định giọng nói. Phía ông D không thừa nhận thư điện tử, nội dung ghi âm do bà T cung cấp nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà T đối với số tiền 190.000.000đ như cấp sơ thẩm đã nhận định là phù hợp.

[3] *Xét kháng cáo của ông D thì thấy rằng:*

Theo hồ sơ thể hiện, các bên giao kết và thực hiện hợp đồng đều không lập thành văn bản. Bà T cho rằng bà chỉ thỏa thuận mua hoa tươi xuất khẩu sang Hàn Quốc, còn theo ông D ngoài việc mua bán thì hai bên còn thỏa thuận ông D ươm cây giống giao cho bà T, mua cây mô và cây F1 cho nông dân trồng thay thế giống cây hoa cúc trắng Hàn Quốc đến khi thu hoạch thì bà T thu mua. Trên thực tế ông D có giao cho bà T 03 đợt hoa và nhận cọc của bà T nên có cơ sở để xác định thỏa thuận giữa hai bên là giao dịch mua bán hoa.

Để thực hiện thỏa thuận trên, bà T đã nhiều lần chuyển tiền cho ông D cụ thể: ngày 04/8/2015 bà T chuyển 100.000.000đ, ngày 15/9/2015 chuyển 50.000.000đ, ngày 8/12/2015 bà T chuyển cho ông D 20.000.000đ, ngày 15/12/2015 chuyển cho ông D 24.750.000đ; tất cả được chuyển vào tài khoản của ông D qua Ngân hàng Vietcombank thành phố C theo số tài khoản 0071001563728, tên tài khoản là “Nguyễn Tiến D” và ngày 15/8/2015 bà T giao trực tiếp cho ông D 100.000.000đ, tổng cộng 294.750.000đ. Ông D cũng thừa nhận đã nhận của bà T 294.750.000đ.

Bà T thừa nhận ông D giao hoa cho bà được 3 đợt với tổng giá trị là 106.260.000đ. Còn theo ông D thì ông đã giao 03 đợt với số tiền khoảng 160.000.000đ và đợt cuối không giao được với số tiền 40.000.000đ là do bà T chuyển vị trí giao hoa nhiều nơi nên không tìm được địa điểm để giao hoa. Tuy nhiên, ông D không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, việc bà T cho rằng bà chỉ mua hoa của ông D và số tiền mua hoa do bà T phải trả cho ông D là 106.260.000đ là có căn cứ chấp nhận. Như vậy, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông D phải thanh toán lại cho bà T số tiền: $294.750.000đ - 106.260.000đ = 188.490.000đ$ và 10 tháng tiền lãi (từ tháng 1/2017 đến tháng 11/2017) theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Cụ thể, $188.490.000đ \times 9\%/năm \times 10 \text{ tháng} = 14.136.750đ$. Tổng cộng $188.490.000đ + 14.136.750đ = 202.626.750đ$.

Đối với số tiền 100.000.000đ do ông Trát Thái Hoàng V chuyển vào tài khoản của ông D ngày 27/10/2015. Bà T và ông V cho rằng đây là tiền bà T nhờ ông

V chuyển cho ông D. Phía ông D lại cho rằng số tiền này là giao dịch làm ăn giữa ông với ông V, khi ông giao hoa cho Vũ thì không liên lạc được dẫn đến ông bị thiệt hại. Theo hồ sơ thể hiện: Chứng từ giao dịch giấy nộp tiền ngày 27/10/2015 (bút lục 36) đã ghi rõ người nộp tiền: Trát Thái Hoàng V, nội dung nộp: “*Đặt cọc tiền trông hoa*” ông V ký và ghi rõ họ tên, hoàn toàn không có nội dung chuyển hộ cho bà T. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 100.000.000 đồng ông V chuyển vào tài khoản của ông D ngày 27/10/2015 là quan hệ làm ăn riêng giữa ông V với ông D nên bà T không có quyền khởi kiện ông D về số tiền này.

Do đó, cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông D về số tiền 100.000.000đ ông V chuyển vào tài khoản của ông D ngày 27/10/2015. Sau này ông V có yêu cầu sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông D, không chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] *Về án phí:*

Buộc bà T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là $190.000.000đ \times 5\% = 9.500.000đ$

Ông D phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán lại cho bà T là $202.626.750 \times 5\% = 10.131.337đ$.

Do sửa án sơ thẩm nên bà T và ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh T, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T về việc “*Tranh chấp về đặt cọc hợp đồng mua bán tài sản*” đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến D.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T số tiền 202.626.750đ (*hai trăm linh hai triệu sáu trăm hai sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Trong đó: 188.490.000đ tiền đặt cọc chưa thanh toán và 14.136.750đ tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Phạm Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến D đối với số tiền 36.700.000đ (*ba mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Tiến D số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) do ông Trát Thái Hoàng Vchuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Tiến D ngày 27/10/2015.

4. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 9.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 12.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008316 ngày 26/4/2017 và 300.000đ theo biên lai thu số 0004342 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X. Hoàn trả cho bà T số tiền 3.300.000đ.

Buộc ông Nguyễn Tiến D phải chịu 10.131.337đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004337 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X. Ông D còn phải nộp 9.831.337đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND thành phố X;
- Chi cục THADS thành phố X;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Nguyệt